

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CHÍ LINH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2017/ HNGĐ- ST

Ngày 22/8/2017

“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CHÍ LINH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Hữu Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Mùi

2. Ông Phương Quốc Luyện

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Việt - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017, tại Nhà văn hóa khu dân cư T, phường, thị xã C, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2017/TLST - HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số nhà 573, khu dân cư NT, phường S, thị xã C, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- Bị đơn: Anh Đoàn Văn Q, sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu dân cư K, phường CM, thị xã C, tỉnh Hải Dương; có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, nguyên đơn và bị đơn trình bày: Chị H và anh Q tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04/7/2011 tại UBND phường CM, thị xã C. Vợ chồng chung sống hòa thuận tại nhà bố mẹ đẻ anh Q đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống,

anh Q không có trách nhiệm với gia đình, mãi chơi cá độ làm thất thoát kinh tế gia đình; ngoài ra chị H có nghi ngờ anh Q ngoại tình với người phụ nữ khác. Do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên từ tháng 8/2016, chị H đã về nhà mẹ đẻ ở phường S sinh sống cho đến nay, anh chị không còn quan tâm chăm sóc nhau. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Q. Anh Q đồng ý ly hôn chị H vì không còn biện pháp nào khác để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Về con chung: Chị H và anh Q có hai con chung là Đoàn Gia L, sinh ngày 21/10/2011 và Đoàn Phong L, sinh ngày 19/4/2014. Từ khi vợ chồng ly thân, cả hai con chung thường xuyên ở cùng chị H, thỉnh thoảng có về ở với anh Q. Khi ly hôn, chị H và anh Q trình bày thống nhất giao cháu Đoàn Gia L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đoàn Phong L cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản: Chị H và anh Q xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Chí Linh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H ly hôn anh Đoàn Văn Q. Về quan hệ con chung: Giao cháu Đoàn Gia L cho chị Huyền trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đoàn Phong L cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Thu H khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn đối với anh Đoàn Văn Q có địa chỉ cư trú tại phường CM, thị xã C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Chí Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Đoàn Văn Q là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Đoàn Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày

04/7/2011 tại UBND phường CM, thị xã C nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau thời gian hòa thuận, anh chị có mâu thuẫn từ đầu năm 2016. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, anh Q chưa thực sự có trách nhiệm với vợ con, có biểu hiện mãi chơi, không chịu khó làm ăn gây thất thoát kinh tế của gia đình dẫn đến vợ chồng thiếu sự tôn trọng nhau và tin tưởng nhau. Từ tháng 8 năm 2016, vợ chồng anh chị đã ly thân, không sống chung và không quan tâm, chăm sóc nhau. Tháng 4 năm 2017, chị H đã khởi kiện xin ly hôn anh Q. Sau đó chị H đã rút đơn khởi kiện nhưng vợ chồng không về sống cùng nhau. Xét thấy, anh chị có hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị H xin ly hôn, anh Q đã đồng ý, do anh Q vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị H ly hôn anh Q.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị H và anh Q thống nhất giao con chung Đoàn Gia L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Đoàn Phong L cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Việc thỏa thuận nêu trên là phù hợp điều kiện thực tế của anh chị và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con chung. Do anh Q vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao cháu Đoàn Gia L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đoàn Phong L cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3]. Về quan hệ tài sản: Chị H và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Luật thi hành án dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H:

- Quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu H ly hôn anh Đoàn Văn Q.

- Quan hệ con chung: Xử giao con chung là Đoàn Gia L, sinh ngày 21/10/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung là Đoàn Phong L,

sinh ngày 19/4/2014 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

- Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu H phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0000141 ngày 08/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương, chị H đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự 2008, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi thành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6 và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 và điểm 4, điểm 5 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Chí Linh;
- Các đương sự;
- UBND phường Chí Minh, thị xã Chí Linh (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Hiệu